

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Văn Bình

2. Ông Nguyễn Hữu Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2017/TLST-HNGĐ ngày 16-01-2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Đ, sinh năm 1982; cư trú tại: ấp Đ, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Phương C, cư trú: ấp 10 H, xã Đông Hưng, huyện M, tỉnh Kiên Giang, Luật sư - Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt)

- Bị đơn: Anh Âu Văn D, sinh năm 1978; cư trú tại: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2016, các đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 11/8/2016 và ngày 27/12/2016, biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lâm Thị Đ trình bày:* Chị và anh Âu Văn D kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2001, cho đến năm 2010 anh chị mới đăng ký kết hôn

và đã được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, anh D thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện rồi vợ chồng cự cãi, mỗi lần cự cãi anh D đều đánh chị, vì thương con nên chị cũng cố gắng nhẫn nhịn. Đến khoảng tháng 11/2013 vợ chồng tiếp tục xảy ra cự cãi và anh D cũng ra tay đánh chị nên chị bỏ nhà đi cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị xác định anh D có người phụ nữ khác bên ngoài nên xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh D.

Về con: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Âu Kha L, sinh ngày 30/6/2002 hiện đang sống với anh D.

Về tài sản và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Âu Văn D;

2. Về con: Đồng ý giao con chung tên Âu Kha L, sinh ngày 30/6/2002 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn, chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh D;

3. Về tài sản và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31/3/2017 anh Âu Văn D trình bày:* Anh và chị Lâm Thị Đ chung sống với nhau từ năm 2000, sau đó có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ việc làm ăn kinh tế nên chị Đ bỏ nhà đi từ tháng 02 năm 2014 đến nay.

Về con: Vợ chồng chỉ có 01 đứa con chung tên Âu Kha L, sinh ngày 30/6/2002, hiện đang sống chung với anh;

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung;

Về nợ: Vợ chồng có nợ bà Tám T ở xã B, huyện Th, tỉnh Kiên Giang số tiền 3.000.000 đồng, nhưng anh đã đưa tiền cho chị Đ trả cho bà Tám T, nhưng chị Đ chưa trả.

Nay theo yêu cầu của chị Đ, anh có ý kiến như sau:

1. Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với Lâm Thị Đ;

2. Về con: Đồng ý tiếp tục nuôi con chung tên Âu Kha L, sinh ngày 30/6/2002, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con cùng anh sau khi vợ chồng ly hôn;

3. Về tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về nợ: Giao chị Đ trả cho bà Tám T 3.000.000 đồng còn nợ.

** Tại phiên tòa:*

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa chị Đ và anh D cụ thể những vấn đề như sau: Về quan hệ hôn nhân, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị Đ và anh Âu Văn D; về quan hệ nuôi con chung, giao con chung tên Âu Kha L, sinh ngày 30/6/2002 cho anh D tiếp tục nuôi, chị Đ không cấp dưỡng nuôi con cùng anh D sau khi vợ chồng ly hôn (việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Âu Kha L); về quan hệ tài sản chung, không có nên đề nghị miễn xét; về quan hệ nợ chung, theo anh D trình bày vợ chồng có nợ người khác nhưng anh D không chứng minh được nên đề nghị không xem xét phần này.

- Nguyên đơn chị Lâm Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Âu Văn D vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn chị Đ trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn anh D trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa nguyên đơn chị Lâm Thị Đ và bị đơn Âu Văn D về những vấn đề cụ thể như sau: Về quan hệ hôn nhân, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị Đ và anh Âu Văn D; về quan hệ nuôi con chung, giao Âu Kha L, sinh ngày 30/6/2002 là con chung của hai người cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chị Đ không cấp dưỡng nuôi con cùng anh D; về quan hệ tài sản chung, không có nên không xem xét; về quan hệ nợ chung, không có căn cứ có nợ người khác nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho bị đơn anh Âu Văn D biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện “*Xin ly hôn*” của nguyên đơn chị Lâm Thị Đ. Nhưng bị đơn anh D không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh D, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn anh D vẫn cố tình vắng

mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: “*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*”.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bị đơn anh Âu Văn D, nhưng bị đơn anh D vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh D, nhưng bị đơn anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt nguyên đơn chị Lâm Thị Đ, nhưng chị Đ đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Huỳnh Phương C không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Đ và anh Âu Văn D khi tổ chức hôn nhân, anh chị tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện M cấp giấy chứng nhận ký kết hôn vào ngày 16-3-2010. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh D là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và thực tế đã ly thân nhau một thời gian dài. Từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh D không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, chị Đ vẫn cương quyết xin ly hôn với anh D và bản thân anh D cũng đã có ý kiến đồng ý ly hôn với chị Đ. Việc thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị Đ và anh Âu Văn D là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp theo quy định tại các điều 55, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

- Về quan hệ nuôi con chung: Theo chị Đ, vợ chồng có 01 con chung tên Âu Kha L, sinh ngày 30-6-2002, sau khi vợ chồng ly hôn giao con cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con và anh D cũng đã có ý kiến đồng ý. Hơn nữa, cháu Âu Kha L cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ (chị Đ, anh D) ly hôn có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh Âu Văn D. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần ghi nhận.

- Về quan hệ tài sản chung: Giữa nguyên đơn chị Đ và bị đơn anh D cùng thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ nợ chung: Theo chị Đ, vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, nhưng anh D xác định vợ chồng có nợ bà

Tám T 3.000.000 đồng và có ý kiến giao cho chị Đ trả 3.000.000 đồng còn nợ này cho bà Tám T.

Xét ý kiến của bị đơn anh D thấy rằng, tại biên bản ghi lời khai ngày 31-3-2017 anh xác định, trong thời gian vợ chồng chung sống có nợ 3.000.000 đồng của bà Tám T (không xác định được họ) và chỉ biết ở xã B, huyện Th, tỉnh Kiên Giang (không biết ấp nào). Do đó, Tòa án đã ra Thông báo và ấn định thời gian để anh D cung cấp họ tên cũng như địa chỉ của chủ nợ để Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định. Nhưng hết thời gian theo quy định mà anh D vẫn không có ý kiến hay văn bản gì thể hiện lý do khách quan hay sự kiện bất khả kháng mà anh không cung cấp được họ tên, địa chỉ của bà Tám T để đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đồng thời nguyên đơn chị Đ cũng không thừa nhận vợ chồng có nợ như ý kiến của anh D nêu ra. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của anh D, nên HĐXX không xem xét đến yêu cầu của anh D nêu ra về phần nợ trong cùng vụ án này. Trường hợp, sau khi chị Đ và anh D ly hôn mà có người khởi kiện cho rằng chị Đ, anh D có nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Lâm Thị Đ có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 55, Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị Đ và anh Âu Văn D.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Lâm Thị Đ và anh Âu Văn D, cụ thể: Sau khi ly hôn, giao con chung Âu Kha L, sinh ngày 30/6/2002 (*có đơn trình bày nguyện vọng của Âu Kha L và hiện Kha L đang sống với anh D*) cho anh Âu Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ không cấp dưỡng nuôi con cùng anh D sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

4 - Về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5 - Về án phí: Chị Lâm Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 0000162 ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; chị Đ còn phải nộp 100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2017), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu (HSVA, VPTA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Linh